

BIỂU TỔNG HỢP
THU HỒI KINH PHÍ HẾT NHIỆM VỤ CHI NĂM 2025 VỀ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 CHƯA PHÂN BỐ
(Kèm theo Quyết định số: 586/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị sử dụng NS	Mã ngành	Mã nguồn kinh phí	Tổng cộng	Kinh phí chi thường xuyên năm 2025 chưa phân bổ	Ghi chú
	Tổng cộng				36.819.464	36.819.464	
1	Phòng Văn hóa - xã hội	1143730			36.819.464	36.819.464	
	Kinh phí Lương, các khoản phụ cấp, chi thường xuyên (Lương Thị Phụng chuyển sang)		341	13	17.478.304	17.478.304	
	Kinh phí tiền thưởng theo ND 73 xuyên (Lương Thị Phụng chuyển sang)		341	18	12.130.560	12.130.560	
	Kinh phí lương hưu cán bộ xã già yếu nghỉ việc		374	13	7.210.600	7.210.600	

BIỂU TỔNG HỢP
GIAO BỔ SUNG KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ CHI PHÁT SINH NĂM 2025 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TRƯỜNG HỌC THUỘC XÃ
(Kèm theo Quyết định số: 586/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị sử dụng NS	Mã ngành	Mã nguồn kinh phí	Tổng cộng	Quyết định 456/QĐ-UBND, ngày 30/10/2025 của UBND xã			Chương trình MTQG PTĐBDT TSMN giao bổ sung năm 2025 tại Quyết định 2634/QĐ-UBND, ngày 14/11/2025	Ghi chú
						Kinh phí chi thường xuyên năm 2025 chưa phân bổ	Kinh phí chi thường xuyên năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Sự nghiệp đào tạo năm 2025 chưa phân bổ		
	Tổng cộng				952.864.364	29.608.864	445.538.500	369.717.000	108.000.000	
1	Văn phòng Đảng ủy	1143733	351		75.894.000	-	75.894.000	-	-	
	Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức kiêm nhiệm làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo xã (thành viên Ban chỉ đạo 160 xã) (12 người x 0,15 lần mức lương sơ sở/người/tháng)			12	21.060.000		21.060.000			Tờ trình số 26-TTr/VPĐU ngày 17/11/2025
	Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức kiêm nhiệm làm công tác tín ngưỡng tôn giáo xã (01 Chuyên viên Ban xây dựng Đảng được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm)			13	1.755.000		1.755.000			
	Kinh phí hợp đồng bảo vệ trụ sở tại thôn Việt Yên			13	8.383.500		8.383.500			

	Kinh phí tổ chức đón, tiếp đồng chí Trần Quốc Cường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2024			12	25.695.500		25.695.500			Tờ trình số 28-TTr/VPĐU ngày 26/11/2025
	Kinh phí chi công tác soạn thảo văn bản (Chỉ thị, Nghị quyết, báo cáo,...) theo Quy định số 44-QĐ/TU ngày 28/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy			12	14.000.000		14.000.000			Tờ trình số 30-TTr/VPĐU ngày 28/11/2026
	Kinh phí chi công tác phí cho lái xe đi công tác ngoài địa bàn xã			12	5.000.000		5.000.000			
2	Văn phòng HĐND&UBND	1143731			99.264.000	-	99.264.000	-	-	
	Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng dân quân tự vệ xã tham gia dọn dẹp trụ sở UBND xã Pa Thơm và Lễ khởi công trường phổ thông dân tộc nội trú		011	12	17.020.000		17.020.000			Tờ trình số 10/TTr-VP ngày 24/11/2025
	Chi cho công tác khám tuyến nghĩa vụ quân sự và công an nhân dân năm 2025		011	12	67.244.000		67.244.000			
	Chi cho công tác cai nghiện ma túy năm 2024		041	12	15.000.000		15.000.000			
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	1143730			242.643.500	-	34.420.000	100.223.500	108.000.000	
	Tiểu dự án 1 Dự án 9, Chương trình MTQG PTĐBĐTTSMN: Kinh phí thực hiện hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi người dân tộc Cống đang theo học tại Trường MN Pa Thơm (25 học sinh)		141	15	108.000.000				108.000.000	Tờ trình số 26/TTr-VHXX ngày 24/11/2025, Mã CTMT QG: 10519

	Kinh phí hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên (5 học sinh)		098	12	28.913.500			28.913.500		Tờ trình số 27/TTr-VHXX ngày 26/11/2025
	Kinh phí mua văn phòng phẩm làm công tác PCGD		098	12	23.310.000			23.310.000		Tờ trình số 28/TTr-VHXX ngày 28/11/2025 (không có biểu kèm theo)
	Hội thi kể chuyện theo sách năm 2025		098	12	48.000.000			48.000.000		Tờ trình số 30/TTr-VHXX, ngày 01/12/2025
	Đại hội Hội cựu giáo chức		341	12	7.420.000		7.420.000			
	Đại hội Hội khuyến học		341	12	27.000.000		27.000.000			
4	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1143727			29.608.864	29.608.864	-	-	-	
	Kinh phí Lương, các khoản phụ cấp, chi thường xuyên (Lương Thị Phụng chuyển sang)		341	13	17.478.304	17.478.304				
	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73 xuyên (Lương Thị Phụng chuyển sang)			18	12.130.560	12.130.560				
5	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	1143728			66.200.000	-	66.200.000	-	-	Quyết định 573/QĐ-UBND,
	Kinh phí tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm				66.200.000		66.200.000			

										ngày 02/12/2025
6	Ủy ban MTTQVN xã	1143726			24.000.000	-	24.000.000	-	-	Tờ trình số 10- TTr/ĐTN, ngày 02/12/2025
	Kinh phí Đại hội Hội liên hiệp thanh niên		361	12	24.000.000		24.000.000			
7	Phòng Kinh tế	1143728			31.220.000	-	31.220.000	-	-	Quyết định 520/QĐ- UBND, ngày 13/11/2025
	Kinh phí tiêm vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng (đợt 2 năm 2025)				31.220.000		31.220.000			
8	Trường THCS Noong Luống				49.550.000		-	49.550.000	-	
	Sân Pickball phục vụ các hoạt động giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục thể chất: đổ bê tông nền, sơn, hệ thống điện chiếu sáng, lưới ...	1095950	073	13	49.550.000			49.550.000		Tờ trình số: 146/TTr- THCSNL, ngày 04/11/2025
9	Trường tiểu học Noong Luống	1096004			195.484.000		15.540.500	179.943.500	-	
	Sơn dây nhà ban giám hiệu, phòng bảo vệ		072	13	49.000.000			49.000.000		Tờ trình số 06/TTr- THNL, ngày 06/10/2025
	Đổ sân bê tông trung tâm trường		072	13	96.984.000		15.540.500	81.443.500		
	Thay bảng biểu		072	13	49.500.000			49.500.000		
10	Trường Mầm non Noong Luống	1096022			40.000.000		-	40.000.000	-	Tờ trình số 97/TTr- MNNL, ngày 01/12/2025
	Biểu, bảng trang trí sân khấu, khuôn viên trường		071	13	40.000.000			40.000.000		
11	Trường Mầm non số 1 Thanh Yên	1096019			99.000.000	-	99.000.000	-	-	Tờ trình số 277/TTr-

	Sửa chữa sân chơi bị sụt lún, thay thiết bị vệ sinh, sơn tường...		071	13	99.000.000		99.000.000			MNS1TY, ngày 25/11/2025
--	--	--	-----	----	-------------------	--	------------	--	--	-------------------------------